

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2022/DS-ST
Ngày 26-9-2022
V/v Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Quang Thanh.
2. Bà Bùi Thị Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ Hải - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 153/2022/TLST-DS, ngày 27 tháng 7 năm 2022, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 281/2022/QĐXXST-DS, ngày 09 tháng 9 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 268/2022/QĐST-DS, ngày 19 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị Huyền T, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Số 168, tổ 06, ấp Đ, xã B, huyện L, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền: Chị Nguyễn Thị Ngọc G, sinh năm 1996. Địa chỉ: Số 21, quốc lộ 30, phường P, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp (Văn bản ủy quyền ngày 03/6/2022).

- Bị đơn:

1. Trần Thanh V, sinh năm 1970;
2. Lê Thị Thúy O, sinh năm 1974;

Cùng địa chỉ: Số 331/7, đường T, tổ 50, khóm Đ, Phường C, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị G có mặt; ông V, bà O vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình tố tụng và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Dương Thị Huyền T là chị Nguyễn Thị Ngọc G trình bày:

Bà Dương Thị Huyền T có cho ông Trần Thanh V và bà Lê Thị Thúy O vay tiền, cụ thể như sau:

- Lần 1: Ngày 25/02/2019, ông V vay 200.000.000 đồng, ông V có ký vào biên nhận tiền, thời hạn vay là 50 ngày, trả mỗi ngày 4.000.000 đồng, thỏa thuận vay không lãi suất. Ông V và bà O trả tiền được 30 ngày (từ ngày 26/02/2019 đến hết ngày 27/3/2019) là 120.000.000 đồng. Như vậy, ông V và bà O còn nợ bà T 80.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 11/3/2019, ông V vay 100.000.000 đồng, ông V có ký vào biên nhận tiền, thời hạn vay là 50 ngày, trả mỗi ngày 2.000.000 đồng, thỏa thuận vay không lãi suất. Ông V và bà O trả tiền được 16 ngày (từ ngày 12/02/2019 đến hết ngày 27/3/2019) là 32.000.000 đồng. Như vậy, ông V và bà O còn nợ bà T 68.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 16/3/2019, ông V vay 100.000.000 đồng, ông V có ký vào biên nhận tiền, thời hạn vay là 50 ngày, trả mỗi ngày 2.000.000 đồng, thỏa thuận vay không lãi suất. Ông V và bà O trả tiền được 11 ngày (từ ngày 17/3/2019 đến hết ngày 27/3/2019) là 22.000.000 đồng. Như vậy, ông V và bà O còn nợ bà T 78.000.000 đồng.

Tổng cộng: Ông V và bà O còn nợ bà T là 226.000.000 đồng.

Đến ngày 03/02/2021, ông V và bà O trả cho bà T 50.000.000 đồng; ngày 27/6/2021 có trả cho bà T 14.500.000 đồng. Như vậy ông V còn nợ bà T 161.500.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông V và bà O trả số tiền còn nợ, nhưng đến nay ông V và bà O vẫn không thanh toán. Do bà O là vợ ông V trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa, bà T chỉ yêu cầu ông Trần Thanh V trả số tiền nợ gốc là 161.500.000 đồng và tiền lãi là 59.000.000 đồng (tiền lãi trên nợ gốc 226.000.000 đồng tính từ ngày 16/5/2019 đến ngày 02/02/2021 là 38.884.384 đồng và tiền lãi trên nợ gốc 161.500.000 đồng từ ngày 28/6/2021 đến ngày 26/9/2022 là 20.132.192 đồng), tổng cộng gốc và lãi là 220.500.000 đồng và yêu cầu ông V tiếp tục tính lãi đến khi trả nợ xong, bà T không yêu cầu và Oanh liên đới trả nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

- Bị đơn là Trần Thanh V và Lê Thị Thúy O: Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng Trần Thanh V và Lê Thị Thúy O vẫn vắng mặt không rõ lý do và không nộp văn bản ý kiến, tài liệu chứng cứ cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn là Dương Thị Huyền T khởi kiện yêu cầu Trần Thanh V trả tiền nợ vay nên xác định đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn là Trần Thanh V và Lê Thị Thúy O có nơi cư trú tại số 331/7, đường T, tổ 50, khóm Đ, Phường C, thành phố L, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn là Trần Thanh V và Lê Thị Thúy O vẫn vắng mặt không rõ lý do và quá trình tố tụng đã có văn bản ý kiến nộp cho Tòa án, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng bị đơn là Trần Thanh V và Lê Thị Thúy O.

[2] Về nội dung:

Bà T yêu cầu ông Trần Thanh V trả số tiền nợ gốc là 161.500.000 đồng và tiền lãi là 59.000.000 đồng, tổng cộng là 220.500.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả nợ xong, bà T không yêu cầu bà O liên đới trả nợ. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

[2.1] Về tiền nợ gốc:

Bà T trình bày:

- Lần 1: Ngày 25/02/2019, ông V vay 200.000.000 đồng, ông V có ký vào biên nhận nhận tiền, thời hạn vay là 50 ngày, trả mỗi ngày 4.000.000 đồng, thỏa thuận vay không lãi suất, đã trả là 120.000.000 đồng. Như vậy, ông V còn nợ bà T 80.000.000 đồng.

- Lần 2: Ngày 11/3/2019, ông V vay 100.000.000 đồng, ông V có ký vào biên nhận nhận tiền, thời hạn vay là 50 ngày, trả mỗi ngày 2.000.000 đồng, thỏa thuận vay không lãi suất, đã trả là 32.000.000 đồng. Như vậy, ông V còn nợ bà T 68.000.000 đồng.

- Lần 3: Ngày 16/3/2019, ông V vay 100.000.000 đồng, ông V có ký vào biên nhận nhận tiền, thời hạn vay là 50 ngày, trả mỗi ngày 2.000.000 đồng, thỏa thuận vay không lãi suất, đã trả là 22.000.000 đồng. Như vậy, ông V còn nợ bà T 78.000.000 đồng.

Tổng cộng: Ông V còn nợ bà T là 226.000.000 đồng.

Đến ngày 03/02/2021, ông V đã trả cho bà T 50.000.000 đồng; ngày 27/6/2021 ông V trả cho bà T 14.500.000 đồng.

Như vậy ông V còn nợ bà T 161.500.000 đồng. Bà T đã nhiều lần yêu cầu ông V và bà O trả số tiền còn nợ, nhưng đến nay ông V và bà O vẫn không thanh toán.

Bà T chỉ yêu cầu ông Trần Thanh V trả số tiền nợ gốc là 161.500.000 đồng, không yêu cầu bà O liên đới trả nợ. Nguyên đơn cung cấp chứng cứ chứng minh là biên nhận mượn tiền thể hiện ngày 25/02/2019 ông V mượn 200.000.000 đồng,

ngày 11/3/2019 ông V mượn 100.000.000 đồng, ngày 16/3/2019 ông V mượn 100.000.000 đồng, thời hạn 50 ngày sẽ trả đủ tiền, không lãi suất, có chữ ký của bên nhận tiền là ông Trần Thanh V.

Căn cứ Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự, bà Dương Thị Huyền T yêu cầu ông Trần Thanh V trả số tiền nợ gốc là 161.500.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[2.2] Về lãi suất:

Bà T yêu cầu ông V trả tiền lãi là 59.000.000 đồng (tiền lãi trên nợ gốc 226.000.000 đồng tính từ ngày 16/5/2019 đến ngày 02/02/2021 là 38.884.384 đồng và tiền lãi trên nợ gốc 161.500.000 đồng từ ngày 28/6/2021 đến ngày 26/9/2022 là 20.132.192 đồng).

Theo biên nhận thể hiện thời hạn vay là 50 ngày, tính đến ngày 15/5/2019 đến thời hạn ông V có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ cho bà T. Do đó bà T yêu cầu tính lãi trên nợ gốc 226.000.000 đồng tính từ ngày 16/5/2019 đến ngày 02/02/2021 là 38.884.384 đồng và tiền lãi trên nợ gốc 161.500.000 đồng từ ngày 28/6/2021 đến ngày 26/9/2022 là 20.132.192 đồng.

Căn cứ 357, 468 của Bộ Luật dân sự, bà T yêu cầu ông V trả tiền lãi là 59.000.000 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 357, 468 của Bộ Luật dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của bà Dương Thị Huyền T.

Buộc ông Trần Thanh V phải trả cho bà Dương Thị Huyền T số tiền nợ gốc là 161.500.000 đồng và tiền lãi là 59.000.000 đồng, tổng cộng là 220.500.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (Đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản

tiền, hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Trần Thanh V phải nộp số tiền 11.025.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho bà Dương Thị Huyền T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.460.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011365, ngày 27/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND TPCL;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Thanh Hiền